

**Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua
SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

như sau:

1- Sửa đổi điểm a, điểm b, điểm h khoản 1 Điều 1 (Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ) như sau:

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này qui định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Luật doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được ghi vào Điều lệ công ty.

h) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*.

2- Bổ sung điều 5 (Ngành nghề kinh doanh của Công ty) như sau:

- Mua bán hóa chất.

3- Sửa đổi khoản 1 Điều 7 (Quyền và nghĩa vụ của Công ty) như sau:

Công ty có các quyền và nghĩa vụ như qui định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật doanh nghiệp như sau:

Nghĩa vụ của doanh nghiệp:

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

4- Sửa đổi khoản 3 Điều 9 (Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập) như sau:

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.

5- Sửa đổi Điều 10 (*Cổ phiếu*) như sau:

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu có các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

Mọi cổ phiếu phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp.

6- Sửa đổi Điều 11 (*Sổ đăng ký cổ đông*) như sau:

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ đăng ký cổ đông có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

7- Sửa đổi Điều 12 (*Chào bán cổ phần*) như sau:

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty cổ phần đại chúng.

5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

6. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

8- Sửa đổi Điều 13 (Chuyển nhượng cổ phần) như sau:

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng.

Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng, chứng thực.

Người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được đương nhiên thừa kế các chức danh trong Công ty.

3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần công ty của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9- Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 20 (Quyền hạn của Cổ đông) như sau:

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty; có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:

- a) Giữ nguyên
- b) Giữ nguyên
- c) Giữ nguyên
- d) Giữ nguyên
- đ) Giữ nguyên

10- Sửa đổi khoản 4 Điều 22 (Đại diện được uỷ quyền của cổ đông) như sau:

4. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định và phải có chữ ký của người uỷ quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

11- Sửa đổi khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 24 (Đại hội đồng cổ đông) như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j) Quyết định ký kết hợp đồng với những người theo qui định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Các trường hợp cổ đông không được quyền biểu quyết:

a) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng qui định tại điểm j khoản 2 điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

4. Tổ chức là cổ đông công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền nhiều đại diện nhưng tối đa không quá 06 người đại diện. Trường hợp có nhiều người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a); b); c); d); e) : Giữ nguyên

12- Sửa đổi khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 26 (Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông) như sau:

1. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty và được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

13- Sửa đổi điểm c khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 27(Mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông) như sau:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

c) Thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông và gửi thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Việc thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.

2. (giữ nguyên); 3. (giữ nguyên)

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

14- Sửa đổi Điều 28 (Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có đủ số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ nhất.

Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai.

Đại hội đồng cổ đông lần ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện được uỷ quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp; các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.

15- Sửa đổi Điều 30 (Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b) Thông qua định hướng phát triển công ty;
- c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;

b) Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại mục a và mục c khoản 3 Điều này.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật doanh nghiệp và khoản 6, khoản 7 Điều 34 của Điều lệ này; theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 31 Điều lệ này.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

16- Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 8 Điều 31 (Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) như sau:

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

17- Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 32 (Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông) như sau:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số công ty;

b) Giữ nguyên; c) Giữ nguyên; d) Giữ nguyên;

đ) Giữ nguyên; g) Giữ nguyên; h) Giữ nguyên;

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k) Giữ nguyên

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Giữ nguyên

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

18- Sửa đổi khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 9 Điều 34 (Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị).

1. Hội đồng quản trị gồm có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

9. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

19- Sửa đổi điểm e, điểm f, điểm g, điểm h, điểm q khoản 2 Điều 35 (Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị) như sau:

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp.

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty;

Ủy quyền cho Giám đốc quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

(Hủy bỏ điểm s. (Quyết định việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)).

20- Sửa đổi khoản 2 Điều 36 (Chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị) như sau:

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị *không được* kiêm Giám đốc Công ty;

21- Sửa đổi khoản 3, khoản 7, khoản 8 Điều 37 (Các cuộc họp của Hội đồng quản trị) như sau:

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành *trong vòng 07 ngày làm việc* khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người đề nghị tổ chức cuộc họp đề cập ở khoản 2 Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty.

7. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại *khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp* sẽ không có quyền biểu quyết.

Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp như sau:

Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu *trên 10%* tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và *người có liên quan của họ*;
- c) *Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp.*

8. Biên bản cuộc họp phải được thông qua tại cuộc họp, tất cả các thành viên tham gia đều phải ký tên. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

Nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại *Điều 154 Luật doanh nghiệp,*

22- Sửa đổi điểm a khoản 6 Điều 40 (Giám đốc) như sau:

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại *khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;*

23- Sửa đổi khoản 1 Điều 41(Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc) như sau:

Giám đốc *có quyền và nghĩa vụ* như sau :

1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; *quyết định* hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn *35%* tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

24- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 (Ban kiểm soát) như sau:

1. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên có trình độ đại học chuyên ngành kế toán hoặc kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín; Nhiệm kỳ của *Kiểm soát viên* không quá 05 năm và *Kiểm soát viên* có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các *Kiểm soát viên* bầu ra một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban *Kiểm soát* phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

3. Trường hợp *Kiểm soát viên* có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà *Kiểm soát viên* nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì *Kiểm soát viên* đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi *Kiểm soát viên* nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Ban *Kiểm soát* họp ít nhất là 06 tháng 1 lần và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là 02 thành viên.

5. Tiền lương hoặc thù lao và các lợi ích khác của *Kiểm soát viên* do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp, như sau:

a) *Kiểm soát viên* được trả tiền lương hoặc thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban *Kiểm soát* căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

b) *Kiểm soát viên* được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban *Kiểm soát* đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

c) Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban *Kiểm soát* được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban *Kiểm soát* và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện của *Kiểm soát viên*:

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có trình độ học vấn từ đại học trở lên. (Ưu tiên có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán, quản lý doanh nghiệp, quản trị kinh doanh, có kinh nghiệm và chuyên môn sâu về chuyên ngành sản xuất kinh doanh của công ty); phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, có ý thức chấp hành pháp luật; có đủ

năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

c) *Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.*

Kiểm soát viên công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào ban Kiểm soát; nắm giữ trên 25% đến 50% được đề cử 02 ứng viên; nắm giữ trên 50% được đề cử 03 ứng viên.

8. Những người sau đây không được làm *Kiểm soát viên*:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng công ty, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

9. *Kiểm soát viên* bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm *Kiểm soát viên* theo quy định tại khoản 6 điều này;

b) Không thực hiện *quyền và nghĩa vụ* của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

Ngoài ra, *Kiểm soát viên* có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

10. Trường hợp phát hiện có *Kiểm soát viên* vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

25- Sửa đổi điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm m khoản 1 Điều 44(*Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát*) như sau:

1. *Quyền và nghĩa vụ* của Ban Kiểm soát:

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; *tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;*

c) Thẩm định *tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực* của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và *trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông*.

d) Xem xét sổ kế toán, *ghi chép kế toán* và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo *nghị quyết* của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 20 của Điều lệ này;

đ) giữ nguyên

e) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, *giám sát* và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại *Điều 160 của Luật Doanh nghiệp* thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

m) Thực hiện các *quyền và nghĩa vụ* khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và *nghị quyết* của Đại hội đồng cổ đông.

26- Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 48 (Công khai các lợi ích liên quan) như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, *Kiểm soát viên*, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký *doanh nghiệp*, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần *trên 10%* vốn điều lệ.

27- Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 Điều 49 (Trách nhiệm của người quản lý công ty) như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có *trách nhiệm* sau đây:

a) Thực hiện các quyền và *nghĩa vụ* được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, *nghị quyết* của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và *nghĩa vụ* được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

28- Sửa đổi bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 51 (Công khai thông tin về công ty cổ phần) như sau:

2. Công ty công bố phần công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty công bố phần đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty công bố mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố, công khai thông tin theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật doanh nghiệp.

29- Sửa đổi khoản 1 Điều 52 (Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ) như sau:

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

30- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 53 (Chế độ lưu giữ tài liệu) như sau:

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

31- Sửa đổi khoản 4 Điều 60 (Chấm dứt hoạt động) như sau:

Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

4. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

32- Sửa đổi khoản 1 Điều 63 (Bổ sung và sửa đổi Điều lệ) như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc đại diện được ủy quyền.

Sửa đổi bổ sung ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 họp ngày 27/4/2016 thông qua với tỷ lệ:.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt dự họp biểu quyết tán thành./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**